

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

2/ Ông **Hoàng Quang Thanh**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hoàng Quốc C** - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**- Sinh năm: 1982

Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2020, bản tự khai ngày 26/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Quốc C trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Ông C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyền số I/2004 ngày 12/8/2004.

Quá trình chung sống: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông C, bà H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bà H có quan hệ bất chính, ngoại tình. Ông C đã tha thứ nhưng bà H vẫn không thay đổi làm cho tình trạng vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể sống chung với nhau được. Vợ chồng ông C, bà H đã sống ly thân nhau nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Nay ông C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên ông C yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông C và bà H có 01 con chung là cháu Hoàng Quốc Nguyên A sinh ngày 23/9/2004. Hiện nay, cháu A đang sống với ông C. Ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Hoàng Quốc C kết hôn với nhau năm 2004 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyền số I/2004 ngày 12/8/2004. Hiện nay, vợ chồng bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn lại với nhau được. Bà H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông Cg có 01 con chung là cháu Hoàng Quốc Nguyên A sinh ngày 23/9/2004. Bà H đồng ý giao cháu A cho ông C nuôi dưỡng, giáo dục và xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 14/10/2020, ông Hoàng Quốc C có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn:* Ông Hoàng Quốc C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyền số I/2004 ngày 12/8/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa ông C và bà H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tin tưởng nhau. Vợ chồng ông C, bà H đã sống ly thân nhau nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà H cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Quốc C.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Ông C và bà H có 01 con chung là cháu Hoàng Quốc Nguyên A sinh ngày 23/9/2004. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu A đang sống cùng với ông C, cháu A có nguyện vọng ở với ba, đồng thời bà H cũng đồng ý giao cháu A cho ông C nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao cháu A cho ông C nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn*: Ông C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí*: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Hoàng Quốc C được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Hoàng Quốc Nguyên A sinh ngày 23/9/2004 cho ông Hoàng Quốc C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng Quốc C không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông Hoàng Quốc C không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Ông Hoàng Quốc C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0008421 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; ông Hoàng Quốc C đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Hoài Tâm